

Số: 01/2026/QĐST - HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 05 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2025/TLST - VDS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* anh **Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1990; số CCCD: 038090021839; Địa chỉ: **thôn Q, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**.

- *Người yêu cầu:* chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; số CCCD: 038187034107; Địa chỉ: **thôn T, xã V, tỉnh Thanh Hóa**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 24 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hôn nhân: anh **Nguyễn Xuân N** và chị **Nguyễn Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (**xã Đ, huyện T - N là xã Đ**), tỉnh **Thanh Hóa** vào ngày 26/12/2012 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự thừa nhận do tính tình không hợp, hai bên không có tiếng nói chung, sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị **T** và anh **N** thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **N**.

Về con chung: anh **N** và chị **T** khai nhận vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Xuân T1** Khoa sinh ngày 02/9/2013 và **Nguyễn Bá Lâm** sinh ngày 28/6/2018, anh **N** và chị **K** xuất trình 02 giấy khai sinh của **Nguyễn Xuân T1** Khoa sinh ngày 02/9/2013 và **Nguyễn Bá Lâm S** ngày 28/6/2018 có ghi họ tên bố là anh **Nguyễn Xuân N**, họ tên mẹ là chị **Nguyễn Thị T** như vậy đủ cơ sở khẳng định **Nguyễn Xuân T1** Khoa sinh ngày 02/9/2013 và **Nguyễn Bá Lâm** sinh ngày 28/6/2018 là con chung của anh **N** và chị **T**. Hiện tại cháu **Nguyễn Xuân Thế K** và cháu **Nguyễn Bá L** hơn 07 tuổi, cháu **K** có nguyện vọng ở với anh **N**, cháu **L** có nguyện vọng ở với chị **T**, phù hợp với thỏa thuận

của chị **T** và anh **N** nên ghi nhận; anh **N** và chị **T** mỗi người nuôi một con chung nên thỏa thuận hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên ghi nhận.

Về tài sản: anh **N** và chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: anh **N** và chị **T** thống nhất anh **N** nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc công nhận sự thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Xuân N** và chị **Nguyễn Thị T**.

- Về con chung: anh **Nguyễn Xuân N** và chị **Nguyễn Thị T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Xuân T1** Khoa sinh ngày 02/9/2013 và cháu **Nguyễn Bá Lâm S** ngày 28/6/2018; Giao cháu **Nguyễn Xuân T1** Khoa sinh ngày 02/9/2013 cho anh **Nguyễn Xuân N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **Nguyễn Bá Lâm S** ngày 28/6/2018 cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng; anh **N** và chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

- Về tài sản: anh **Nguyễn Xuân N** và chị **Nguyễn Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh **Nguyễn Xuân N** và chị **Nguyễn Thị T** thỏa thuận anh **N** chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh **N** đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại **Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3** – Thanh Hóa theo biên lai thu số 0004329 ngày 24/12/2025. Anh **N** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Thanh Hóa;
- UBND xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh

Hóa;

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THA DS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Đạt

